

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2018/DS-ST**
Ngày : 16-10-2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sáu
2. Bà Nguyễn Thị Tài

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 48/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Q**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 43 Nguyễn Huy T, thôn Đại N, xã Lộc N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
3. *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1987
Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng
(Bà Q có mặt, bà H và bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Q trình bày: Do quen biết với bà Nguyễn Thị N nên trong tháng 01/2017 bà Q cho bà N vay tiền hai lần, cụ thể như sau:

Ngày 14/01/2017 cho vay 20.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, lãi suất 20%, thời hạn vay tính từ ngày 14/01/2017 đến ngày 14/01/2018. Ngày 19/01/2017 cho

vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, lãi suất 20%, thời hạn vay từ ngày 19/01/2017 đến ngày 19/01/2018. Trong hai lần vay tiền thể hiện người cho vay là bà Q, người vay là bà N, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thu H cùng ký và ghi họ tên vào giấy vay tiền. Bà H là người giới thiệu và là người làm chứng để bà Q cho bà N vay tiền. Giấy vay tiền ghi lãi suất 20% nhưng thực tế mỗi tháng tiền lãi là 800.000 đồng, khi trả gốc thì trả lãi. Khi vay tiền chỉ mình bà N là người đứng ra vay, nhận tiền và ký giấy vay tiền.

Đến ngày trả nợ thì bà N không trả nợ cho bà Q kể cả tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên bà Q trình bày mùa cả phê 2017 bà N có xay cả phê cho bà Q số tiền 3.000.000 đồng, bà Q yêu cầu tính số tiền này vào tiền lãi. Nay bà Q yêu cầu giải quyết buộc bà N trả nợ gốc là 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Toàn án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về việc bà Q khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có lời khai nào.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Ngày 14/01/2017 bà H có làm chứng bà N vay của bà Q 20 triệu đồng, lãi suất 20%, hoàn trả ngày 14/01/2018. Và ngày 19/01/2017 bà H cũng có làm chứng bà N vay của bà Q 20 triệu đồng, lãi suất 20%, hoàn trả nợ là ngày 19/01/2018.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/8/2018 nhưng không được. Lý do nguyên đơn bà Q có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Ngày 06/8/2018 Tòa án nhận được đơn đề nghị của bà Q về việc không tiến hành hòa giải vụ án mà giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS buộc bị đơn phải chịu lãi chậm trả phát sinh. Về án phí buộc bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ quen biết và có bà Nguyễn Thị Thu H giới thiệu nên trong tháng 01/2017 bà Đoàn Thị Q có cho bà Nguyễn Thị N trú tại tổ 5, thị trấn Lộc T, huyện B vay tiền hai lần. Cụ thể như sau: Tại giấy vay tiền đề ngày 14/01/2017 bà Q cho bà N vay 20.000.000 đồng. Bà Q là người viết giấy vay tiền, lãi suất ghi 20%, thời hạn vay từ ngày 14/01/2017 đến ngày 14/01/2018, bà N là người trực tiếp vay, nhận tiền từ bà Q, bà H là người làm chứng. Tại giấy vay tiền đề ngày 19/01/2017 bà Q cho bà N vay tiếp 20.000.000 đồng, bà H cũng làm chứng, giấy vay tiền cũng do bà Q viết, thể hiện lãi suất 20%, thời hạn vay từ ngày 19/01/2017 đến 19/01/2018, bà N trực tiếp vay, nhận tiền từ bà Q. Trong cả hai giấy vay tiền bà Q, bà N và bà H cùng ký và ghi họ tên. Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bà Q cho rằng lãi thực tế là 800.000 đồng/tháng, khi trả tiền gốc thì mới trả lãi. Tổng số tiền gốc bà Q cho bà N vay là 40.000.000 đồng.

Đến hạn trả nợ, bà N không trả nợ gốc và lãi cho bà Q theo thỏa thuận trong giấy vay mặc dù bà Q đã đòi nợ nhiều lần. Đến nay bà N vẫn chưa trả số nợ trên cho bà Q. Vì vậy bà Q khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng là có cơ sở. Căn cứ vào các điều 275, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 cần buộc bà N trả nợ cho bà Q số tiền 40.000.000 đồng. Về tiền lãi phát sinh, bà Q có trình bày bà N có xay cà phê cho bà Q tiền công là 3.000.000 đồng và yêu cầu trừ vào tiền lãi. Xét số tiền này không vượt quá lãi phát sinh theo thời hạn vay (*nếu tính lãi*), quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Q không yêu cầu tính lãi phát sinh thêm trên số tiền gốc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Thị Q được chấp nhận nên không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (40.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

- **Buộc** bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Q số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải nộp 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị Q số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2015/0005198 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

